TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng Phượng

Ông Bùi Hữu Soi

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ái N, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số nhà D, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Wang Jui T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số C Đ, Lộ H, khóm A, phường P, khu T, thành phố T, Đài Loan.

Chị N có mặt, anh Wang Jui T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/5/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Trần Thị Ái N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh W Jui Tang kết hôn trên cơ sở mai mối, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn, vào sổ đăng ký kết hôn số 48, ngày 04/7/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc tại Đài Loan. Qua tết dương lịch năm 2018 chị N xin gia đình chồng về Việt Nam dự đám giỗ giáp năm của cha ruột, được anh W Jui Tang đồng ý nhưng cha mẹ chồng không cho nên chị N phát sinh mâu thuẫn với gia đình chồng. Sau đám giỗ chị N trở lại Đài Loan sinh sống thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, khoảng tháng 5/2018

vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ngôn ngữ, phong tục tập quán khác biệt, thường xuyên cải vả nhau. Khoảng tháng 7/2018 chị N trở về Việt Nam sinh sống, vợ chồng có liên lạc với nhau khoảng 01 tháng, sau đó chị N không còn liên lạc được với anh Wang Jui T, vợ chồng sống xa nhau từ đó cho đến nay, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Wang Jui T.

Về nuôi con: Vợ chồng không có con chung.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Anh Wang Jui T không có văn bản ghi ý kiến trình bày gửi đến Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị N là công dân Việt Nam, có địa chỉ tại tỉnh Đồng Tháp, khởi kiện xin ly hôn với anh Wang Jui T. Anh Wang Jui T có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) (Taiwanese) và đang sinh sống tại Đài Loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 469 và Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết vụ án.

[2] Anh Wang Jui T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Wang Jui T.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh W Jui Tang kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 04/7/2017 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc tại Đài Loan, đến tháng 5/2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng về ngôn ngữ, văn hóa, quan điểm sống, thường xuyên cãi vả nhau, tháng 7/2018 chị N trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Xét thấy, vợ chồng sống xa nhau từ năm 2018 đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, kéo dài quan hệ hôn nhân cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh W Jui Tang là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về nuôi con, chia tài sản và nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Anh Wang Jui T không trình bày ý kiến xác định vợ chồng có con chung, có tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Lệ phí tố tụng: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, Điều 153, các Điều 469, 470 và 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ái N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Ái N ly hôn với anh Wang Jui T.

2. Về nuôi con, chia tài sản và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ái N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006048 ngày 20/10/2020 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị N đã nộp xong tiền án phí.

4. Lệ phí tố tụng:

Chị Trần Thị Ái N phải chịu 400.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0002510 ngày 22/12/2020 và 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0004816 ngày 25/11/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị N đã nộp xong tiền lệ phí.

Chị Trần Thị Ái N còn phải chịu chi phí, lệ phí thực tế theo các hóa đơn, chứng từ ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tống đạt (hoặc thông báo) bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh W Jui Tang có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Huỳnh Kim Oanh

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT (Hằng).